Phụ lục III

UBND PHƯỜNG BẾN CÁT **TRƯỜNG TH TRẦN QUỐC TUẤN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 112/BC-TQT	*Bến Cát, ngày 29 tháng 9 năm 2025*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: Khu phố Mỹ Phước, phường Bến Cát, TP.HCM.

Địa chỉ thư điện tử: tieuhoctranquoctuan@bc.sgdbinhduong.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: https://thtranquoctuan.bencat.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Văn hóa – Xã hội phường Bến Cát

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường sư phạm để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tiềm năng tới mức tối đa, từng bước trưởng thành từ nhận thức đến hành động.

4.2.Tầm nhìn

Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn là một trường tiểu học công lập theo đúng mục tiêu chiến lược về giáo dục con người mới Xã hội chủ nghĩa Việt Nam: tự tin, có hiểu biết cơ bản tốt, có lòng yêu nước, có kỹ năng sống hợp tác và thích ứng với môi trường.

4.3. Mục tiêu

Thực hiện Nghị quyết lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII, với mục tiêu "Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả".

4.3.1. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục và giáo dục toàn diện, là cơ sở giáo dục hiện đại, tiên tiến thấm nhuần giá trị nhân văn, gìn giữ bản sắc dân tộc, phát triển phù hợp với xu thế chung của đất nước và thời đại.

Đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Tiếp tục tổ chức thực hiện các chủ đề năm học của ngành và các cuộc vận động lớn của Đảng, của Ngành. Vận động toàn thể đội ngũ sư phạm, học sinh và phụ huynh học sinh nói và làm theo Nghị quyết của Đảng, theo pháp luật của Nhà nước.

Nhà trường sẽ bám sát mục tiêu cấp học, đầu tư tốt hơn cho công tác bồi dưỡng phương pháp dạy và học theo hướng chủ động, tích cực, hình thành ở học sinh phương pháp tự học, vận dụng có hiệu quả các kĩ năng sống, nâng cao chất lượng tiếng Anh để đáp ứng nhu cầu giai đoạn mới.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thể hiện tính nhân văn bằng những hình thức thu hút thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các tiết học ngoài trời, viếng thăm các địa chỉ đỏ, tổ chức các hoạt động từ thiện...

Cải tiến công tác quản lý, đẩy mạnh công nghệ thông tin vào công tác quản lí và giảng dạy. Quản lí phải đảm bảo tính dân chủ, khoa học, mang lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên. Phát huy vai trò của các đoàn thể, của Ban Thanh tra nhân dân. Phát hiện và nhân rộng điển hình tiên tiến, thúc đây sự phát triển của các cá nhân và các tập the tố khối.

Phối hợp tốt ba môi trường giáo dục "Nhà trường - Gia đình - Xã hội" trong công tác truyền thông nhằm giúp học sinh có ý thức bảo vệ bản thân, rèn luyện thân thể để có sức khoẻ tốt.

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh và Chi hội Khuyến học nhà trường.

Tăng cường trang bị, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy và học theo hướng đổi mới phương pháp nhằm phục vụ mục tiêu giáo dục toàn diện.

4.3.2. Mục tiêu cụ thể

- **Thể chế và chính sách**

Xây dựng cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng phát huy nội lực, khuyến khích phát triển cá nhân và tăng cường hợp tác với bên ngoài.

Hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế về mọi hoạt động trong trường học mang tính đặc thù của trường đảm bảo sự thống nhất

• **Tổ chức bộ máy**

Kiện toàn cơ cấu tổ chức, phân công bố trí lao động hợp lý, phát huy năng lực, sở trường của từng cán bộ, giáo viên phù hợp với yêu cầu giảng dạy.

Thực hiện phân cấp quản lý theo hướng tăng quyền chủ động cho các tổ chuyên môn trong nhà trường.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, giám sát, thông báo 2 chiều đến từng giáo viên, nhân viên trong nhà trường

• **Công tác đội ngũ**

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá, giỏi; có trình độ tin học ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực. Đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ giáo viên theo hướng sử dụng tốt đội ngũ hiện có, đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Định kỳ đánh giá chất lượng hoạt động của cán bộ giáo viên thông qua các tiêu chí về hiệu quả, đóng góp cụ thể của cán bộ giáo viên đối với sự phát triển của nhà trường. Trên cơ sở đó sẽ đề bạt, khen thưởng xứng đáng đối với những cán bộ, giáo viên có thành tích xuất sắc.

Đầu tư có trọng điểm để phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên trẻ, có tài năng bố trí vào các vị trí chủ chốt của nhà trường.

Tạo môi trường làm việc năng động, thi đua lành mạnh, đề cao tinh thần hợp tác và chia sẻ với những điều kiện làm việc tốt nhất để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên đều tự hào, muốn cống hiến và gắn kết với nhà trường.

• **Nâng cao chất lượng giáo dục**

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá. Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản. Tăng cường dạy ngoại ngữ, tin học và các môn giáo dục nghệ thuật khác.

- Định kỳ rà soát, đổi mới, kiểm định chất lượng chương trình giáo dục, nội dung và phương pháp giảng dạy theo xu hướng linh hoạt, hiện đại phù hợp với đổi mới giáo dục.

- Thực hiện tốt việc tự đánh giá chất lượng giáo dục tiểu học

• **Cơ sở vật chất**

- Tham mưu với các cấp lãnh đạo từng bước xây dựng cơ sở vật chất đảm

bảo đúng tiêu chuẩn của trường đạt Mức chất lượng tối thiểu.

- Đầu tư có trọng điểm để hiện đại hoá các phòng học, các phòng học bộ môn, khu làm việc của giáo viên, khu vui chơi thể dục thể thao của học sinh. Nâng cấp và có kê hoạch thay dần các bàn ghế cũ.

- Tiếp tục đầu tư máy tính, và các thiết bị đảm bảo cho việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng mạng thông tin quản lý giữa giáo viên, các tổ chuyên môn với Nhà trường liên thông qua hệ thống nối Internet. Trang web trường, các cổng thông tin điện tử khác.

- Đẩy mạnh việc quản lý các bộ phận : thư viện, thiết bị, tài chính.. .bằng ứng dụng công nghệ thông tin.

• **Kế hoạch - tài chính**

- Xây dựng kế hoạch phát triển hàng năm của từng tổ chuyên môn và nhà trường.

- Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ hợp lý và minh bạch các nguồn thu, chi.

- Công khai trên bảng tin nhà trường các khoản thu – chi hàng năm, các khoản thu bán trú...

- Tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, các nhà hảo tâm.

• **Chương trình truyền thông, phát triển và quảng bá thương hiệu**

- Hiện đại và khai thác có hiệu quả website của trường. Cung cấp các thông tin về hoạt động giáo dục của trường qua các hội thảo, diễn đàn trao đổi, sách, báo, các tạp chí... Khuyến khích giáo viên tham gia tích cực vào các sự kiện, các hoạt động của cộng đồng và ngành.

- Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường. Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng cán bộ giáo viên, nhân viên.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phát huy truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Trường được thành lập theo Quyết định số 2525/QĐ.UB ngày 01/9/1997 Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát (Nay là phường Bến Cát, TPHCM) về việc sửa đổi tên gọi Trường Tiểu học Mỹ Phước A thành trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn.

- Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của UBND phường Bến Cát về việc thành lập Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn thuộc UBND phường Bến Cát trên cơ sở tổ chức lại Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn thuộc UBND thành phố Bến Cát khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

- Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn trải qua nhiều năm hình thành và phát triển, chất lượng giáo dục của nhà trường đã từng bước đi lên, đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân phường Bến Cát nói riêng và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của thành phố nói chung.

- Trường đã liên tục đạt được những thành tích, cụ thể như sau: nhiều năm liền là Tập thể Lao động Tiên tiến, Tập thể Lao động Xuất sắc được ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ), Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

- Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ I giai đoạn 1996 – 2000
- Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ II năm 2009
- Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm 2010
- Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm 2016

- Ngày 21/3/2022, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 611/QĐ-SGDĐT ngày 21/3/2022 về việc công nhận Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn, Thị xã Bến Cát đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, kèm bằng chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

- Ngày 24/3/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 về việc công nhận Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn, Thị xã Bến Cát đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kèm bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

- Một phần diện tích rất lớn của nhà trường đã được dùng để tạo sân vườn, thảm cỏ, bồn hoa, cây xanh... đã làm cho ngôi trường thêm xanh, đẹp và thoáng mát. Trường có đủ diện tích để tổ chức các hoạt động vui chơi, học tập và các hoạt động ngoại khóa cho học sinh. Toàn bộ hệ thống đường dây điện được thiết kế phù hợp, nguồn nước sinh hoạt do nhà máy nước cung cấp đầy đủ. Hằng năm, nhà trường đều nhận được sự quan tâm sâu sát của các cấp lãnh đạo, sự hỗ trợ của Ban đại diện cha mẹ học sinh, các mạnh thường quân trong việc trang bị, sửa chữa, hoàn thiện cơ sở vật chất, nên khuôn viên nhà trường ngày một khang trang, sạch đẹp.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Minh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Khu phố Mỹ Phước, phường Bến Cát, TPHCM.

Số điện thoại: 0938526999

Địa chỉ thư điện tử: nguyenthituyetminh80@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy:

7.1.Quyết định thành lập

- Quyết định số 2525/QĐ.UB ngày 01/9/1997 Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát (Nay là thành phố Bến Cát) về việc sửa đổi tên gọi Trường Tiểu học Mỹ Phước A thành trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn.

- Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của UBND phường Bến Cát về việc thành lập Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn thuộc UBND phường Bến Cát trên cơ sở tổ chức lại Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn thuộc UBND thành phố Bến Cát khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

7.2.Quyết định công nhận hội đồng trường:

Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 Quyết định của UBND thành phố Bến Cát về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn.

Danh sách hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ HĐ trường	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Bà Phan Thị Huệ	Phó Bí thư CB - Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bà Lê Hiền Hậu	Chủ tịch CĐ – Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
4	Bà Nguyễn Thị Lệ Thu	Thư ký Hội đồng	Thư ký	
5	Ông Nguyễn Thế Thao	Phó Chủ tịch UBND phường Mỹ Phước	Thành viên	
6	Bà Trương Thị Thạch	Trưởng Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Thành viên	
7	Ông Hà Huy Đồng	Tổ trưởng Tổ Hành chính	Thành viên	
8	Bà Trương Thị Yến	Bí thư Chi đoàn	Thành viên	
9	Bà Bùi Thị Minh Huệ	Tổ trưởng Tổ lớp 3	Thành viên	
10	Bà Trần Thị Thu Thuận	Tổ trưởng Tổ lớp 4	Thành viên	
11	Ông Đoàn Nguyễn Hoàng Quỳnh	Tổ trưởng Tổ GDTC	Thành viên	

7.3.Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng

Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 quyết định của Chủ tịch Ủy ban phường Bến Cát về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn, phường Bến Cát.

7.4.Quy chế tổ chức và hoạt động:

Thực hiện theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành điều lệ trường tiểu học.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 44 đảng viên.

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 17 đoàn viên,

+ Ban đại diện CMHS có 15 thành viên.

+ Có 08 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

- Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Tuyết Minh	Hiệu trưởng	0938526999	nguyenthituyetminh80@gmail.com.
2	Phan Thị Huệ	Phó Hiệu trưởng	0948769204	phanthihue12@gmail.com
3	Lê Hiền Hậu	Phó Hiệu trưởng	0949022442	lehienhau75@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Nghị quyết của hội đồng trường.
- Quy chế chi tiêu nội bộ.
- Kế hoạch tuyển sinh.
- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học.
- Quy chế dân chủ.
- Quy chế phối hợp.

II.ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

(Các cơ sở giáo dục báo cáo theo file Excel đính kèm)

III.CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
1	Diện tích đất	11.157,44 m^2	11.157,44 m^2
2	Diện tích sân chơi	5.200 m^2	5.200 m^2
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách	3.172	3.899
5	Số bản sách/người học	10.147/2.232	12.931/2.171

2. Diện tích đất xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m^2)	Diện tích sân chơi (m^2)
1	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Khu phố Mỹ Phước, phường Bến Cát, TP.HCM	11.157,44 m^2	5.200 m^2

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định: Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

+ Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

+ Mức độ đạt kiểm định: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

Khối	Đầu năm học		Cuối năm học		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
Một	10	461	10	458	0	0		3	0	3
Hai	9	426	9	424	0	0		2	0	2
Ba	9	401	9	401	0	0		0	0	0
Bốn	10	456	10	451	0	0		5	0	5
Năm	9	438	9	437	0	0		1	0	1
Tổng cộng	**47**	**2.182**	**47**	**2.171**	**0**	**0**		**11**	**0**	**11**

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học

a. Phẩm chất (kết quả rèn luyện)

Khối	TSHS	Tốt	Đạt	Chưa đạt	So với năm học trước
Một	458	358	91	9	
Hai	424	360	64	0	
Ba	401	309	92	0	
Bốn	451	415	36	0	
Năm	437	513	24	0	
Tổng cộng	**2.171**	**1.855**	**307**	**9**	

b. Học lực (kết quả học tập)

Khối	TSHS	Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành	So với năm học trước
Một	458	297	8	138	15	
Hai	424	224	55	145	0	
Ba	401	203	85	110	3	
Bốn	451	219	89	143	0	
Năm	437	202	101	134	0	
Tổng cộng	**2.171**	**1.145**	**338**	**670**	**18**	

c. Thống kê danh hiệu

Khối	Học sinh Xuất sắc	Học sinh tiêu biêu Hoàn thành tốt
Một	297	8
Hai	224	55
Ba	203	85
Bốn	219	89
Năm	202	101
Tổng cộng	1.145	338

- Số học sinh lưu ban: 18
- Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 437/437 (100%)

d. Kết quả các cuộc thi, hội thi

STT	Kỳ thi, cuộc thi, hội thi	Kết quả	Ghi chú
1	Thi IOE cấp Tỉnh	Đạt 02 giải nhất, 6 giải nhì, 01 giải ba, 4 giải khuyến khích.	
2	Thi IOE cấp quốc gia	39 em đã hoàn thành tốt kỳ thi quốc gia.	
3	Thi thiếu nhi VN vươn ra thế giới	Có 03 học sinh được vào vòng bán kết.	
4	Thi Olympic cấp Tỉnh	1 HS đạt thành tích tốt tại hội thi.	
5	Thi tiếng hát sơn ca cấp tỉnh	Đạt 01 giải nhì.	

6	Thi MC học đường cấp tỉnh	Đạt 01 giải nhất	
7	Thi nét đẹp tuổi thơ cấp tỉnh	Đạt 01 giải nhất, 01 giải ba, 02 giải trang phục vui xuân, 02 giải năng khiếu; 01 giải trang phục bay vào tương lai.	
8	Thi sáng tạo dành cho thanh thiếu niên, nhi đồng cấp tỉnh	Đạt 01 giải phong trào.	
9	Thi Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp tỉnh	Đạt 01 giải nhất; 05 giải nhì; 04 giải ba; 21 giải khuyến khích.	
10	Thi đấu trường Vioedu cấp tỉnh	Đạt 04 huy chương vàng; 02 huy chương bạc; 11 huy chương bạc; 11 huy chương đồng; 15 khuyến khích.	

2.2. Đối với giáo viên

Danh hiệu	Sô lượng	Ghi chú
Giáo viên dạy giỏi câp trường	0	Không tổ chức thi
Giáo viên chủ nhiệm giỏi câp trường	46	
Chiên sĩ thi đua cơ sở	21	

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	**Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp**	
1.1	Học phí	
1.2	Thu sự nghiệp	
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Học phí	
	Thu sự nghiệp	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**18.024.637.970**
1	**Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**18.024.637.970**
1.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**14.363.590.324**

	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (13)	14.363.590.324
	- Bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh (14)	
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	
1.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**3.661.047.646**
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	3.661.047.646
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP NĂM 2025 (Đến ngày 30/09/2025)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	**Dự toán năm trước chuyển sang**	**62.670.194**	
	Trong đó: - Trong khoán	62.670.194	
	- CCTL	62.670.194	
	- Ngoài khoán		
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm (Trang bị PCCC)		
I	**Dự toán được giao năm 2025**	**18.024.637.970**	
	Trong đó: - Trong khoán	14.363.590.324	
	- CCTL	0	
	- Ngoài khoán	3.661.047.646	
	- Sửa chữa	0	
	- Mua sắm	0	
II	**Tổng dự toán điều chỉnh giảm**		
	Trong đó: - Trong khoán		
	- CCTL		
	- Ngoài khoán		
	- Dự toán giữ lại (nguồn ....)		
	- Mua sắm		
II	**Tổng dự toán được sử dụng năm 2025**	**18.087.308.164**	
	Trong đó: - Trong khoán	14.426.260.518	
	- CCTL		
	- Ngoài khoán	3.661.047.646	
	- Dự toán giữ lại (nguồn 28)		
	- Mua sắm		
III	**Tổng kinh phí đã sử dụng đến ngày 30/092025**	**14.062.501.903**	
	Trong đó: - Trong khoán (chi tiết đính kèm)	10.850.935.939	

	- CCTL		
	- Ngoài khoán (chi tiết đính kèm)	3.211.565.964	
	- Ngoài khoán		
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm		
IV	**Tổng kinh phí còn tại KBNN**	**4.024.806.261**	
	Trong đó: - Trong khoán	3.575.324.579	
	- CCTL		
	- Ngoài khoán	449.481.682	
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm		

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2024

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
I	Quyết toán thu			
A	**Tổng số thu**	-	-	
1	Số thu phí, lệ phí			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Thu sự nghiệp khác		-	
B	**Chi từ nguồn thu được để lại**			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
1.1	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Chi lương			
	Chi vật tư văn phòng			
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở			
	Chi mua báo tạp chí của Đảng			
	Chi trợ cấp cấp ủy			
	Chi tiền tết			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			

1.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác		-	
6900	**Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng**		-	
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		-	
7750	**Chi khác**	-	-	
7799	Chi các khoản khác		-	
C	Số thu nộp NSNN			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
1.1	Lệ phí			
	Lệ phí A			
	Lệ phí B			
	……..			
1.2	Phí			
	Phí A			
	Phí B			
	……..			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
II	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	…..	……	
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 13	**13.315.019.234**	**13.315.019.234**	
6000	**Tiền lương**	**5.734.675.020**	**5.734.675.020**	
6001	Lương theo ngạch, bậc	5.734.675.020	5.734.675.020	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
6050	**Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng**	**512.533.000**	**512.533.000**	
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	512.533.000	512.533.000	
6100	**Phụ cấp lương**	**2.793.079.160**	**2.793.079.160**	
6101	Phụ cấp chức vụ	99.360.000	99.360.000	
6107	Phụ cấp độc hại			
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.847.867.517	1.847.867.517	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	9.936.000	9.936.000	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	835.915.643	835.915.643	
6250	**Phúc lợi tập thể**			
6299	Chi khác (tiền nước uống)			
6300	**Các khoản đóng góp**	**1.687.160.568**	**1.687.160.568**	
6301	Bảo hiểm xã hội	1.256.934.641	1.256.934.641	
6302	Bảo hiểm y tế	215.474.511	215.474.511	
6303	Kinh phí công đoàn	143.649.674	143.649.674	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	71.101.742	71.101.742	
6400	**Các khoản thanh toán khác cho các nhân**	**546.530.952**	**546.530.952**	

6404	Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ	487.310.952	487.310.952	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	59.220.000	59.220.000	
6500	**Thanh toán dịch vụ công cộng**	**650.979.953**	**650.979.953**	
6501	Tiền điện	386.831.213	386.831.213	
6502	Tiền nước	243.477.540	243.477.540	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	20.671.200	20.671.200	
6550	**Vật tư văn phòng**	**325.654.283**	**325.654.283**	
6551	Văn phòng phẩm	25.591.000	25.591.000	
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng			
6599	Vật tư văn phòng khác	300.063.283	300.063.283	
6600	**Thông tin tuyên truyền liên lạc**	**44.797.913**	**44.797.913**	
6601	Cước phí điện thoại trong nước	414.713	414.713	
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cấp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	34.993.200	34.993.200	
6606	Tuyên truyền, quảng cáo	3.240.000	3.240.000	
6608	Sách, báo, tạp chí, thư viện	1.350.000	1.350.000	
6618	Khoán điện thoại	4.800.000	4.800.000	
6649	Khác			
6700	**Công tác phí**	**38.837.998**	**38.837.998**	
6701	Tiền vé máy bay, tàu xe	11.967.998	11.967.998	
6702	Phụ cấp công tác phí	14.870.000	14.870.000	
6703	Tiền thuê phòng ngủ			
6704	Khoán công tác phí	12.000.000	12.000.000	
6750	**Chi thuê mướn**	**94.120.000**	**94.120.000**	
6751	Chi thuê phương tiện vận chuyển			
6754	Thuê thiết bị các loại			
6757	Thuê lao động trong nước			
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ			
6799	Chi phí thuê mướn khác	94.120.000	94.120.000	
6900	**Chi sửa chữa thường xuyên TSCĐ**	**215.389.600**	**215.389.600**	
6907	Nhà cửa	28.539.000	28.539.000	

6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	28.196.000	28.196.000	
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng (Máy photocopy)	13.826.000	13.826.000	
6921	Đường điện, cấp thoát nước	40.848.000	40.848.000	
6949	Các tài sản khác	103.980.600	103.980.600	
6950	**Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn**	-	-	
6999	Tài sản và thiết bị khác	-	-	
7000	**Chi nghiệp vụ chuyên môn**	**588.955.430**	**588.955.430**	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn	44.553.310	44.553.310	
7004	Chi trang phục, đồng phục	5.040.000	5.040.000	
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	539.362.120	539.362.120	
7000	**Mua sắm tài sản vô hình**	**30.032.000**	**30.032.000**	
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	30.032.000	30.032.000	
7750	**Chi khác**	**52.273.357**	**52.273.357**	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán	3.631.482	3.631.482	
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	9.091.875	9.091.875	
7761	Chi tiếp khách			
7764	Chi khen thưởng			
7799	Chi khác	39.550.000	39.550.000	
7950	**Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu**	-	-	
7951	Chi lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập	-	-	
7952	Chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp	-	-	
7953	Chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị sự nghiệp	-	-	
7954	Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp	-	-	
7850	**Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở**	-	-	

7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy			
	Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 14 CCTL	-	-	
6000	**Tiền lương**	-	-	
6001	Lương theo ngạch bậc	-	-	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
6100	**Phụ cấp lương**	-	-	
6101	Phụ cấp chức vụ	-	-	
6107	Phụ cấp độc hại	-	-	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	-	-	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	-	-	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	-	-	
6400	**Các khoản thanh toán khác cho các nhân**			
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác (trợ cấp TT HC)			
6300	**Các khoản đóng góp**	-	-	
6301	Bảo hiểm xã hội	-	-	
6302	Bảo hiểm y tế	-	-	
6303	Kinh phí công đoàn	-	-	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	
	Nguồn kinh phí không tự chủ - Nguồn 12	**2.561.196.911**	**2.561.196.911**	
6050	**Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng**	**38.844.000**	**38.844.000**	
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	38.844.000	38.844.000	
6100	**Phụ cấp lương**	**389.061.161**	**389.061.161**	
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	389.061.161	389.061.161	

6150	**Học bổng và chi hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học**	**6.600.000**	**6.600.000**	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	6.600.000	6.600.000	
6300	**Các khoản đóng góp**	**9.128.340**	**9.128.340**	
6301	Bảo hiểm xã hội	6.797.700	6.797.700	
6302	Bảo hiểm y tế	1.165.320	1.165.320	
6303	Kinh phí công đoàn	776.880	776.880	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	388.440	388.440	
6449	**Các khoản thanh toán khác cho các nhân**	**1.956.613.410**	**1.956.613.410**	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác (trợ cấp chế độ thạc sĩ, 30% GV không đứng lớp, bảo vệ phục vụ, y tế, thư viện)	1.956.613.410	1.956.613.410	
6550	**Vật tư văn phòng**			
6599	Vật tư văn phòng khác			
6750	**Chi phí thuê mướn**	**3.150.000**	**3.150.000**	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	3.150.000	3.150.000	
6950	**Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn**			
6956	Các thiết bị công nghệ thông tin			
7000	**Chi nghiệp vụ chuyên môn**	**1.800.000**	**1.800.000**	
7004	Đồng phục, trang phục	1.800.000	1.800.000	
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác			
7750	**Chi khác**	**156.000.000**	**156.000.000**	
7799	Chi khác	156.000.000	156.000.000	
7850	**Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở**			
7851	Chi mua báo tạp chí của Đảng			
	Nguồn kinh phí không tự chủ - Nguồn 18	**328.701.800**	**328.701.800**	

6200	**Tiền thưởng**	**328.701.800**	**328.701.800**	
6201	Thưởng thường xuyên	328.701.800	328.701.800	
	TỔNG CỘNG	**16.204.917.945**	**16.204.917.945**	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN DTHT BUỔI 2 (nếu có) NĂM 2025 (đến ngày 30/05/2025)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	**Tồn đầu kỳ - cuối năm 2024 chuyển sang**	0	
	Trong đó: - Dùng chi tu sửa cơ sở vật chất điện nước		
II	**Tổng thu:**		
1	Thu tiền buổi 2 HKI NH 2024-2025	1.211.040.000	
2	Thu tiền buổi 2 HKII NH 2024-2025	1.384.448.000	
III	**Tổng chi:**		
1	Nộp thuế 2% thu tiền buổi 2 HKI NH 2024-2025	24.220.800	
2	Chi tiền dạy buổi 2 cho gv HKI NH 2024-2025	949.455.360	
3	Chi tiền quản lí dạy buổi 2 HKI NH 2024-2025	118.681.920	
4	Chi tiền phục vụ hđ dạy buổi 2 HKI NH 2024-2025	118.681.920	
5	Thuế 2% phải nộp HKII NH NH 2024-2025	27.688.960	
6	Chi tiền dạy buổi 2 cho gv HKII NH 2024-2025	1.085.407.232	
7	Chi tiền quản lí dạy buổi 2 HKII NH 2024-2025	135.675.904	
8	Chi tiền phục vụ hđ dạy buổi 2 HKII NH 2024-2025	135.675.904	
IV	**Tồn cuối kỳ - thời điểm 30/09/2025 (Tại KBNN)**	0	
	Trong đó: - Dùng chi tu sửa cơ sở vật chất điện nước (tồn tại KBNN)	0	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU NĂM 2025 (Đến ngày 30/09/2025)

ĐVT:đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	**Tồn đầu kỳ - cuối năm trước chuyển sang tại KBNN**	**7. 422.918**	
II	**Tổng thu (BHXH chuyển về)**	**141. 481.859**	
III	**Tổng số chi**	**5. 653.410**	
1	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs	5. 653.410	
2	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs		
3	Chi tiền photo giấy khám sức khỏe cho hs đầu năm học 202….-202…		
IV	**Tồn cuối kỳ - thời điểm 30/09/2025 tại KBNN**	**143. 251.367**	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN TÀI KHOẢN 3713 TẠI KHO BẠC NĂM 2025 (Đến ngày 30/09/2025)

ĐVT:đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	**Tồn đầu kỳ (cuối năm 2024 chuyển sang) - Tại KBNN**	**13.715.072**	
	Trong đó: - Tiền chăm sóc sức khoẻ ban đầu còn lại	7. 422.918	
	- Tiền buổi 2 còn lại Dùng để chi CSVC	0	
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	0	
	- Quỹ khen thưởng	0	
	- Quỹ phúc lợi	0	
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	0	
	- Tiền OTTN	0	
	- Tiền thu vệ sinh trường lớp	0	
	- Tiền khen thưởng Sở chuyển	6.292.154	
II	**Tổng số thu**	**328. 471.839**	
III	**Tổng số chi**	**197. 212.866**	
IV	**Tồn cuối kỳ - thời điểm 30/09/2025 (tồn tại KBNN)**	**144. 974.045**	
	Trong đó: - Tiền chăm sóc sức khoẻ ban đầu còn lại	143. 251.367	

	- Tiền buổi 2 còn lại Dùng để chi CSVC		
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		
	- Quỹ khen thưởng		
	- Quỹ phúc lợi		
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
	- Tiền OTTN		
	- Tiền thu vệ sinh trường lớp		
	- Tiền khen thưởng Sở chuyển	1. 722.678	

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

Đầu năm học nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 39/KH-TQT ngày 03 tháng 9 năm 2025 Kế hoạch giáo dục năm học 2025 – 2026. Kế hoạch giáo dục được xây dựng theo hướng chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học. Đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

Thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 được đánh giá theo qui định tại Thông tư số 27/2020/TT- BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; soạn đề kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

- Nhà trường thường xuyên giám sát, kiểm tra, điều chỉnh chỉ đạo hoạt động toàn diện nhà trường.

- Môi trường, nề nếp sinh hoạt, hoạt động nhà trường theo hướng thân thiện, tích cực.

- Cụm đã kiểm tra tư vấn công tác quản lí, hoạt động chuyên môn của nhà trường. Nhận xét: tốt.

- Tổ chức kiểm tra chuyên môn 33 GV, xếp loại: 33 tốt.

- Đã kiểm tra 244 lượt hồ sơ, sổ sách của giáo viên. Tất cả giáo viên thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách theo quy định. Những sai sót được kịp thời uốn nắn, sửa chữa.

+ Thao giảng: 339 tiết, Xếp loại tốt: 281 tiết, Đạt (lớp 5): 58 tiết.

+ Dự giờ: 1.483 lượt, Xếp loại tốt: 1.153; Đạt (lớp 5): 330.

- Tổng số lượt sử dụng ĐDDH: 14.962 lượt, số ĐDDH tự làm: 34cái
- Kiểm tra sách vở, đồ dùng học tập học sinh 3 lần/năm
- Kiểm tra trang trí lớp học 2 lần/năm
- Thường xuyên kiểm tra căn tin, nhà ăn
- Kiểm tra tài chính 01 lần/năm.

4. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

*** Giáo viên tham gia cấp Tỉnh**

Hội thi ảnh đẹp "Hoa nắng sân trường" chào mừng kỷ niệm 42 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 tỉnh Bình Dương năm 2024 đạt 1giải khuyến khích.

Danh hiệu "Giáo viên trẻ tiêu biểu" tỉnh Bình Dương Lần thứ VIII, năm 2024 đạt 01.

Hội thi "Cán bộ Công đoàn cơ sở giỏi" năm 2024 LĐLĐ tỉnh đạt giải ba.

*** Phong trào HS tham gia cấp Tỉnh:**

Cuộc thi Olympic Tiếng Anh trên Internet dành cho học sinh phổ thông năm học 2024 - 2025" do Công ty CP VTC Truyền thông trực tuyến đạt:

+ Khối lớp 3: đạt 1 giải nhì khối 3 toàn tỉnh, 1 giải khuyến khích khối 3 toàn tỉnh.

+ Khối lớp 4: đạt 1 giải nhất khối 4 toàn tỉnh, 3 giải nhì khối 4 toàn tỉnh, 1 giải 3 khối 4 toàn tỉnh, 1 giải khuyến khích khối 4 toàn tỉnh.

+ Khối lớp 5: đạt 1 giải nhất khối 5 toàn tỉnh, 2 giải nhì khối 5 toàn tỉnh, 2 giải khuyến khích khối 5 toàn tỉnh.

1 học sinh (Em: Cao Gia Khang lớp 5.5) đạt thành tích tốt tại cuộc thi Olympic học sinh giỏi Tiếng Anh cấp tiểu học năm học 2024 – 2025 do Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Bình Dương công nhận theo Quyết định số 526/QĐ-SGDĐT ngày 28/3/2025 của Sở GDĐT Bình Dương.

Hội thi "Tiếng hát sơn ca" tỉnh Bình Dương năm học 2024 - 2025 đạt 1 giải nhì.

Hội thi "MC học đường" tỉnh Bình Dương năm 2025 đạt giải nhất.

Hội thi "Nét đẹp tuổi thơ - Búp bê xinh ngoan" tỉnh Bình Dương - năm 2025 đạt 01 giải nhất, 01 giải Ba, 02 giải Trang phục Vui xuân, đạt 02 giải năng khiếu, 01 giải Trang phục bay vào tương lai.

Cuộc thi sáng tạo dành cho thanh thiếu niên, nhi đồng lần thứ XXI, năm học 2024 – 2025 đạt 1 giải phong trào.

Thi trạng nguyên tiếng việt trên mạng Internet đạt:

+ Khối lớp 1: đạt 15 HS được chứng nhận đã hoàn thành Trạng Nguyên Tiếng Việt vòng 9 - Kỳ thi Hội - Cấp tỉnh; 1 giải nhì, 1 giải ba, 3 giải khuyến khích.

+ Khối lớp 2: đạt 5 HS được chứng nhận đã hoàn thành Trạng Nguyên Tiếng

Việt vòng 9 - Kỳ thi Hội - Cấp tỉnh; 1 giải nhất, 4 giải nhì.

+ Khối lớp 3: đạt 15 HS được chứng nhận đã hoàn thành Trạng Nguyên Tiếng Việt vòng 9 - Kỳ thi Hội - Cấp tỉnh; 1 giải ba, 5 giải khuyến khích.

+ Khối lớp 4: đạt 23 HS được chứng nhận đã hoàn thành Trạng Nguyên Tiếng Việt vòng 9 - Kỳ thi Hội - Cấp tỉnh; 1 giải ba, 5 giải khuyến khích.

+ Khối lớp 5: đạt 18 HS được chứng nhận đã hoàn thành Trạng Nguyên Tiếng Việt vòng 9 - Kỳ thi Hội - Cấp tỉnh; 1 giải ba, 8 giải khuyến khích.

Thi đấu trường vioedu trên mạng Internet - Đấu trường môn Tiếng Anh đạt:

+ Khối lớp 1: đạt 1 giải khuyến khích.

+ Khối lớp 2: 2 giải đồng.

+ Khối lớp 3: 1 giải vàng, 1 giải đồng, 1 giải khuyến khích.

+ Khối lớp 4: 1 giải vàng, 1 giải bạc, 1 giải đồng, 2 giải khuyến khích.

+ Khối lớp 5: 1 giải vàng, 3 giải đồng, 4 giải khuyến khích.

Thi đấu trường vioedu trên mạng Internet - Đấu trường môn Tổng hợp đạt:

+ Khối lớp 1: đạt 1 giải vàng, 2 giải khuyến khích.

+ Khối lớp 2: đạt 1 giải đồng.

+ Khối lớp 3: đạt 1 giải khuyến khích.

+ Khối lớp 4: đạt 2 giải đồng, 2 giải khuyến khích.

+ Khối lớp 5: đạt1 giải bạc, 1 giải đồng, 2 giải khuyến khích.

Hội khỏe Phù Đổng cấp Tỉnh: Chạy tiếp sức hỗn hợp nam nữ 4x50m đạt 1 Huy chương vàng; bóng bàn đôi nam nữ đạt 1 huy chương bạc.

*** Phong trào HS tham gia cấp toàn quốc:**

Cuộc thi Olympic Tiếng Anh trên Internet dành cho học sinh phổ thông năm học 2024 - 2025" do Công ty CP VTC Truyền thông trực tuyến đạt:

+ Khối lớp 4: đạt 06 Học sinh Khối 4: Đã hoàn thành tốt kỳ thi Quốc gia Cuộc thi Olympic Tiếng Anh trên internet dành cho học sinh phổ thông năm học 2024 – 2025.

+ Khối lớp 5: đạt 35 Học sinh Khối 5: Đã hoàn thành tốt kỳ thi Quốc gia Cuộc thi Olympic Tiếng Anh trên internet dành cho học sinh phổ thông năm học 2024 – 2025.

Cuộc thi Thiếu nhi Việt Nam vươn ra thế giới có 3 học sinh được vào vòng bán kết của cuộc thi. GV tiếp tục bồi dưỡng cho các em thi vòng bán kết.

5. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

Giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường, góp phần hình thành nhân cách, phát triển toàn diện học sinh về trí tuệ, đạo đức, thể chất và thẩm mỹ. Công tác này được triển khai thông qua

các nội dung và hình thức chủ yếu: lồng ghép trong chương trình giáo dục; hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội..

b. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở trong trường học; đảm bảo quyền được tham gia, được lắng nghe và được tôn trọng của học sinh, giáo viên và phụ huynh.

Tăng cường vai trò của các tổ chức như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc giám sát và phản biện các hoạt động của nhà trường.

Khuyến khích học sinh tự do thể hiện ý kiến trong các giờ sinh hoạt lớp, hoạt động ngoại khóa, phát huy tinh thần tự quản của học sinh qua mô hình Ban cán sự lớp, Liên đội.

c. Đảm bảo môi trường giáo dục an toàn

- Tổ chức các hoạt động phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em và các tệ nạn xã hội thông qua tuyên truyền, tập huấn, ký cam kết.

- Lắp đặt hệ thống camera, bố trí bảo vệ, phân công giám sát trực nhật hàng ngày để đảm bảo an ninh trường học.

- Kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, đồng thời có biện pháp tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, có dấu hiệu lệch chuẩn hành vi.

d. Giữ gìn vệ sinh trường lớp, môi trường sống lành mạnh

- Duy trì nền nếp trực nhật hàng ngày, tổng vệ sinh vào cuối tuần, chăm sóc bồn hoa, cây cảnh trong khuôn viên trường.

- Trang bị đầy đủ hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh hợp chuẩn, thùng rác phân loại, tạo điều kiện cho học sinh hình thành ý thức giữ gìn vệ sinh công cộng.

6. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức lối sống chuẩn mực, hết lòng tận tụy với công việc.

- Tập huấn bồi dưỡng cho giáo viên về phương pháp đổi mới trong giảng dạy.

- Bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên, CBQL đáp ứng chương trình GDPT 2018.

- Thực hiện tốt nề nếp sinh hoạt chuyên môn hàng tuần đảm bảo thực hiện CTGDPT 2018, thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ khối chuyên môn.

- Xây dựng các nội dung chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên.

- Cán bộ quản lý, giáo viên tham gia học bồi dưỡng thường xuyên đầy đủ.

7. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Trường có đủ phòng học, sân chơi, thể dục thể thao đảm bảo để tổ chức dạy

học 2 buổi/ ngày đảm bảo giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm.

- Có đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021. Số thiết bị dạy học hiện có đáp ứng tốt cho việc tổ chức dạy học các hoạt động giáo dục.

8. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Đẩy mạnh quản trị hoạt động dạy học và giáo dục gắn liền với quản trị nhân sự, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và tài chính thông qua việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Giao quyền tự chủ cho tổ chuyên môn trong việc quản lý kế hoạch giáo dục cá nhân và kế hoạch bài dạy của giáo viên, bảo đảm chất lượng, thiết thực, hiệu quả.

- Tăng cường chuyển đổi số trong dạy học và quản lý, thực hiện hiệu quả việc tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường. Tổ chức triển khai tốt việc chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra đánh giá và quản trị nhà trường; tập trung thực hiện việc chuyển đổi số trong quản lý kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

9. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Tiếp tục truyền thông về đổi mới Chương trình GDPT 2018, chú trọng các nội dung liên quan đến lớp 1, 2, 3, 4, 5. Tuyên truyền đến phụ huynh trong các buổi họp phụ huynh học sinh. Khuyến khích cán bộ, giáo viên, đưa tin về các hoạt động của trường như việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018, gương người tốt, việc tốt, …. lên trang website của trường.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2025 của Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn./.

Nơi nhận:
- Sở GDĐT (Phòng QLCL);
- Phòng VH-XH phường BC;
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG BẾN CÁT TỈNH TÂY NINH TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TUẤN

Nguyễn Thị Tuyết Minh

UBND PHƯỜNG BẾN CÁT
TRƯỜNG TH TRẦN QUỐC TUẤN

CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC, NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo											Hạng chức danh nghề nghiệp								Chuẩn nghề nghiệp														Bồi dưỡng hằng năm							
			Năm học 2025 - 2026					Đối sánh số liệu năm học liền kề						Năm học 2025 - 2026				Đối sánh số liệu				Năm học 2024 - 2025								Đối sánh số liệu						Năm học 2024 - 2025				Đối sánh số liệu			
																						Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Hoàn thành		Không hoàn thành		Hoàn thành		Không hoàn thành	
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**77**		**4**	**58**	**8**	**2**			**4**	**58**	**8**	**2**			**19**	**50**	**2**		**19**	**50**	**2**	**66**	**100%**							**58**	**90.6%**	**6**	**9.30%**					**66**	**100%**			**66**	**100%**		
I	**Giáo viên**	**64**		3	53	8				3	53	8				15	49			15	49		**63**	**100%**							**63**	**100%**							**63**	**100%**			**63**	**100%**		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:																																											
1	Tiếng dân tộc	0																																										
2	Ngoại ngữ	6			4	2					4	2				2	4			2	4																							
3	Tin học	1			1						1					1				1																								
4	Âm nhạc	2			1	1					1	1					2				2																							
5	Mỹ thuật	2				2						2					2				2																							
6	Thể dục	4			4						4					1	3			1	3																							
II	**Cán bộ quản lý**	**3**			**2**						**2**					**3**				**3**			**3**	**100%**							**3**	**100%**							**3**	**100%**			**3**	**100%**		
1	Hiệu trưởng	1		1						1						1				1																								
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2					2				2																								
III	**Nhân viên**	**10**			**3**						**3**					**1**	**1**	**2**		**1**	**1**	**2**																						
1	Nhân viên văn thư	1					1						1				1					1																						
2	Nhân viên kế toán	1			1						1						1				1																							
3	Nhân viên y tế	1			1						1																																	
4	Nhân viên thư viện	1					1						1				1					1																						
5	Tổng phụ trách Đội	1			1						1					1				1																								
6	Nhân viên phục vụ	2																																										
7	Nhân viên bảo vệ	3																																										

Bến Cát, ngày 29 tháng 9 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

U.B.N.D PHƯỜNG BẾN CÁT T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TUẤN

Nguyễn Thị Tuyết Minh